

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH**



TRƯỜNG THÀNH
GROUP

THÔNG TIN TÓM TẮT

NĂM 2020



MỤC LỤC

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG	3
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	3
2. Cơ cấu tổ chức công ty	7
3. Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty và cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến 31/03/2020	17
4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng, những công ty mà công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng.....	19
5. Hoạt động kinh doanh.....	20
6. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	30
7. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	32
8. Chính sách đối với người lao động.....	35
9. Chính sách cổ tức	36
10. Tình hình hoạt động tài chính.....	36
11. Tài sản.....	42
12. Kế hoạch sản xuất kinh doanh các năm tiếp theo.....	42
13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng.....	44
14. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh.....	44
15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty	45
II. QUẢN TRỊ CÔNG TY	46
16. Hội đồng quản trị.....	46
17. Ban kiểm soát	54
18. Ban Giám đốc	57
19. Kế toán trưởng.....	58
20. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty.....	58
III. CAM KẾT.....	60



DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BCTC	:	Báo cáo tài chính
BGD	:	Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành
BKS	:	Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành
CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành
CTCP	:	Công ty cổ phần
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành
DTT	:	Doanh thu thuần
GD	:	Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành
Giấy CNĐKKD	:	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
HĐQT	:	Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành
SLCP	:	Số lượng cổ phiếu
TNHH	:	Công ty trách nhiệm hữu hạn
TNDN	:	Thuế thu nhập doanh nghiệp
TSCĐ	:	Tài sản cố định
TSLĐ	:	Tài sản lưu động
UBCKNN	:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
VCSH	:	Vốn chủ sở hữu

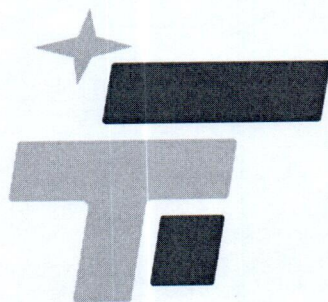


I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Tên, địa chỉ của Công ty đại chúng

- Tên công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH
- Tên tiếng Anh : TRUONG THANH DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt : TRUONG THANH DECONIN.,JSC
- Trụ sở chính : Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam
- Điện thoại : 02163.897359 Fax: 02163.897359
- Website : <http://truongthanhgroup.com.vn/>
- Email : info@truongthanhgroup.com.vn
- Biểu tượng của Công ty:



TRƯỜNG THÀNH
GROUP

- Vốn điều lệ : 1.350.000.000.000 đồng (*Một nghìn ba trăm năm mươi tỷ đồng*)
- Vốn thực góp : 1.350.000.000.000 đồng (*Một nghìn ba trăm năm mươi tỷ đồng*)

1.2 Ngành nghề kinh doanh chính

Ngành nghề kinh doanh: Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103026597 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/09/2008, và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102899812 do Sở Kế hoạch và Đầu tư



tính Yên Bái cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 31/12/ 2019, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

STT	Tên Ngành	Mã ngành
1	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
2	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (ngoại trừ các mặt hàng không được thực hiện quyền xuất, nhập khẩu theo Phụ lục 1, Phụ lục 2 Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013)	8299
3	Xây dựng công trình đường bộ Chi tiết: Xây dựng các công trình giao thông, đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống,	4212
4	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Xây dựng, lắp đặt các công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV, trạm biến áp 35KV	4321
5	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phụ vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống	5610
6	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn	5510
7	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí (Không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, phòng hát karaoke)	9329
8	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng Chi tiết: Sản xuất máy xây dựng	2824
9	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, vật tư thiết bị ngành xây dựng	4659
10	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
11	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752



12	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa (ngoại trừ các mặt hàng không được thực hiện quyền phân phối theo Phụ lục 3 Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013)	4610
13	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp, bưu chính, viễn thông, thủy lợi, thủy điện, các công trình năng lượng điện gió, công trình đô thị và khu công nghiệp	4299
14	Sản xuất điện Chi tiết: Sản xuất, vận hành công trình điện năng	3511 (Chính)
15	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Kinh doanh điện năng	3512
16	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; giám sát thi công xây dựng công trình công nghiệp lĩnh vực chuyên môn giám sát: lắp đặt thiết bị, công nghệ cơ khí; giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện các công trình thủy lợi, thủy điện	7110
17	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: Gia công chế tạo và lắp đặt các sản phẩm cơ khí	2592
18	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (ngoại trừ các sản phẩm dầu không được thực hiện quyền phân phối theo Phụ lục 3 Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013)	4661
19	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan (ngoại trừ các sản phẩm dầu không được thực hiện quyền phân phối theo Phụ lục 3 Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013)	4773



20	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
21	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng	4931
22	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị phục vụ thi công xây lắp công trình	7730
23	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản;	6820
24	Khai thác quặng sắt	0710
25	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
26	Xây dựng nhà để ở	4101
27	Hoàn thiện công trình xây dựng Chi tiết: Trang trí nội thất	4330
28	Xây dựng nhà không để ở	4102
29	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí Chi tiết: Xây dựng các công trình cấp nước sinh hoạt, thoát nước.	4322

1.3 Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành được thành lập vào ngày 05 tháng 09 năm 2008 (theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103026597), có số vốn điều lệ ban đầu là 50.000.000.000 đồng. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là xây dựng, sản xuất, vận hành các công trình điện năng, đầu tư các dự án điện năng.

Nắm bắt được nhu cầu ngày càng cao của ngành điện, năm 2008 Công ty đã quyết định đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện Ngòi Hút 2 với tổng mức đầu tư hơn 1,5



ngàn tỷ đồng, tại huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái. Đến tháng 01/2015 nhà máy đã chính thức đi vào hoạt động với công suất 48 MW.

Tiếp nối thành công của dự án thủy điện Ngòi Hút 2, Công ty tiếp tục đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện Ngòi Hút 2A (với tổng mức đầu tư hơn 292 tỷ đồng). Đến tháng 12/2016 nhà máy đã đi vào hoạt động chính thức với công suất 8,4 MW.

Trong giai đoạn từ 2016 trở về đây, công ty có những bước phát triển mạnh mẽ, triển khai nhiều dự án mới, đặc biệt công ty đã nắm bắt được xu hướng toàn cầu, đầu tư thêm vào lĩnh vực năng lượng sạch như: điện mặt trời, điện gió. Với sự nỗ lực của cả tập thể Công ty và sự hỗ trợ tích cực từ các cấp chính quyền, Nhà máy điện mặt trời hồ Bầu Ngự tại tỉnh Ninh Thuận của Công ty, với tổng mức đầu tư gần 1.500 tỷ đồng đã chính thức đi vào hoạt động trong năm 2019 với quy mô công suất 50MW. Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty đang thực hiện triển khai nhiều dự án nhà máy điện quy mô lớn, với tổng mức đầu tư trên ngàn tỷ đồng như: Nhà máy thủy điện Pá Hu tại tỉnh Yên Bái; dự án Nhà máy Phong điện Phương Mai tại tỉnh Bình Định; dự án Nhà máy điện mặt trời Hồ Núi 1 tại tỉnh Ninh Thuận,...

Với vốn điều lệ ban đầu là 50.000.000.000 đồng, sau nhiều lần tăng vốn đến nay vốn điều lệ của Công ty đã đạt tới 1.350.000.000.000 đồng (Một nghìn ba trăm năm mươi tỷ đồng).

Quá trình tăng vốn

Ngày 05/09/2008, Công ty được thành lập, hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với vốn điều lệ là 50 tỷ đồng, vốn đăng ký góp là 10 tỷ đồng. Chi tiết quá trình tăng vốn của Công ty như sau:

Lần 1: Tăng vốn từ 10.000.000.000 đồng lên 292.000.000.000 đồng

• Cơ sở pháp lý:

+ Quyết định của ĐHĐCĐ số 06.06/2009/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/06/2009 thông qua phương án chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ lên 50 tỷ đồng theo đúng giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

+ Quyết định của ĐHĐCĐ số 20.03/2010/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/03/2010 thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ lên 292 tỷ đồng

+ Quyết định của ĐHĐCĐ số 30.06/2010/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2010 thông qua việc tiếp tục triển khai phương án tăng vốn điều lệ cho đủ 292 tỷ đồng theo số vốn đăng ký



+ Quyết định của ĐHĐCĐ số 16.10/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/10/2013 Thông qua danh sách cổ đông đăng ký mua cổ phần không phân phối hết trong đợt phát hành riêng lẻ 242 tỷ đồng

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102899812 thay đổi lần thứ 3 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 12 tháng 08 năm 2010

• **Chi tiết đợt tăng vốn:**

- Vốn thực góp trước khi tăng vốn: 10.000.000.000 đồng
- Vốn thực góp sau khi tăng vốn: 292.000.000.000 đồng
- Hình thức tăng vốn:

STT	Hình thức phát hành	Tổng giá trị (VNĐ)
1	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	40.000.000.000
2	Phát hành riêng lẻ	242.000.000.000

Lần 2: Tăng vốn từ 292.000.000.000 đồng lên 352.000.000.000 đồng

• **Cơ sở pháp lý:**

+ Quyết định của ĐHĐCĐ số 04.06/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04/06/2014 thông qua phương án phát hành thêm 6.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

+ Quyết định của ĐHĐCĐ số 15.12/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/12/2014 thông qua số tiền thực góp của các cổ đông trong đợt phát hành thêm 6.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102899812 thay đổi lần thứ 5 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp ngày 24 tháng 12 năm 2014

• **Chi tiết đợt tăng vốn:**

- Vốn thực góp trước khi tăng vốn: 292.000.000.000 đồng
- Vốn thực góp sau khi tăng vốn: 352.000.000.000 đồng
- Hình thức tăng vốn: Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
- Số lượng cổ đông tham gia đợt tăng vốn: 03 cổ đông

Lần 3: Tăng vốn từ 352.000.000.000 đồng lên 698.000.000.000 đồng

• **Cơ sở pháp lý:**

+ Quyết định của ĐHĐCĐ số 15.12/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/12/2014 thông qua phương án phát hành thêm 34.600.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu



+ Quyết định của ĐHĐCĐ số 10.08/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/08/2015 thông qua việc tiếp tục triển khai phương án tăng vốn điều lệ cho đủ 698 tỷ đồng theo số vốn đăng ký

+ Quyết định của ĐHĐCĐ số 29.10/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/10/2016 thông qua việc tiếp tục triển khai phương án tăng vốn điều lệ cho đủ 698 tỷ đồng theo số vốn đăng ký

+ Quyết định của ĐHĐCĐ số 06.08/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/08/2017 thông qua thay đổi danh sách cổ đông góp vốn trong đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 698 tỷ đồng

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102899812 thay đổi lần thứ 6 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp ngày 12 tháng 08 năm 2015

• **Chi tiết đợt tăng vốn:**

- Vốn thực góp trước khi tăng vốn: 352.000.000.000 đồng
- Vốn thực góp sau khi tăng vốn: 698.000.000.000 đồng
- Hình thức tăng vốn: Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
- Số lượng cổ đông tham gia đợt tăng vốn: 06 cổ đông

Lần 4: Tăng vốn từ 698.000.000.000 đồng lên 967.000.000.000 đồng

• **Cơ sở pháp lý:**

+ Quyết định của ĐHĐCĐ số 29.10/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/10/2016 thông qua phương án phát hành thêm 26.900.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu

+ Quyết định của ĐHĐCĐ số 06.08/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/08/2017 thông qua thay đổi danh sách cổ đông góp vốn trong đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 967 tỷ đồng

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102899812 thay đổi lần thứ 7 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp ngày 01 tháng 11 năm 2016

• **Chi tiết đợt tăng vốn:**

- Vốn điều lệ trước khi tăng vốn: 698.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi tăng vốn: 967.000.000.000 đồng
- Vốn thực góp sau khi tăng vốn: 967.000.000.000 đồng
- Hình thức tăng vốn: Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
- Số lượng cổ đông tham gia đợt tăng vốn: 01 cổ đông

Lần 5: Tăng vốn từ 967.000.000.000 đồng lên 1.350.000.000.000 đồng



- **Cơ sở pháp lý:**

- + Quyết định của ĐHĐCĐ số 05.03/2019/TTA/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/03/2019 thông qua phương án phát hành thêm 28.630.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu và đồng thời phát hành thêm 9.670.000 cổ phần từ nguồn lợi nhuận còn lại của công ty để trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu

- + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102899812 thay đổi lần thứ 9 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp ngày 31 tháng 12 năm 2019

- **Chi tiết đợt tăng vốn:**

- Vốn thực góp trước khi tăng vốn: 967.000.000.000 đồng
- Vốn thực góp sau khi tăng vốn: 1.350.000.000.000 đồng
- Hình thức tăng vốn: Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và đồng thời trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
- Tỷ lệ trả cổ tức: 10% (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu được nhận thêm 1 cổ phiếu mới)
- Số lượng cổ đông tham gia đợt tăng vốn: 06 cổ đông

2. Cơ cấu tổ chức công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005. Từ ngày 01/07/2015 Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

- ❖ **Trụ sở chính**

- Địa chỉ : Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam
- Điện thoại : 02163.897359 Fax: 02163.897359
- Website : <http://truongthanhgroup.com.vn/>
- Email : info@truongthanhgroup.com.vn

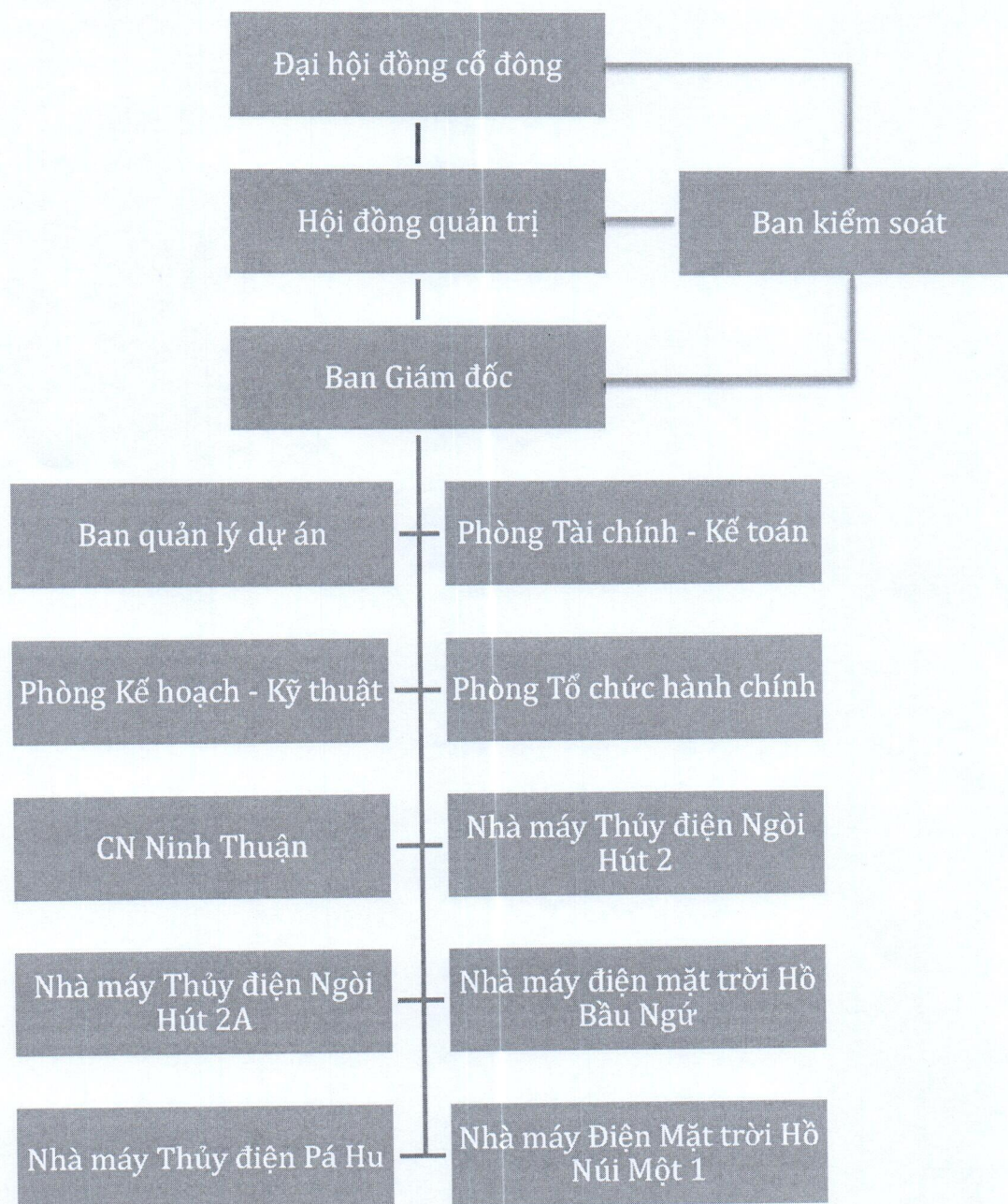
- ❖ **Chi nhánh Công ty tại Ninh Thuận**

- Địa chỉ: Lô 09, dãy N2, đường 16/4, phường Mỹ Hải, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam



2.1 Sơ đồ tổ chức

Hiện tại, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành đang áp dụng theo mô hình tổ chức của Công ty Cổ phần. Mô hình quản trị này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty. Trải qua quá trình phát triển, sơ đồ tổ chức của Công ty như sau:





2.2 Diễn giải sơ đồ

➤ Đại Hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, Ban kiểm soát và của Kiểm toán viên;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát;
- Quyết định số thành viên HĐQT;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

➤ Hội đồng quản trị

HĐQT là cơ quan quản trị của Công ty có 08 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty;
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc;
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, Báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHĐCĐ;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty;
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể công ty;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.
- Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty hiện nay như sau:

○ Ông Trần Huy Đức

Chủ tịch HĐQT



- | | |
|------------------------|-----------------|
| ○ Ông Nguyễn Duy Hưng | Thành viên HĐQT |
| ○ Ông Nguyễn Thanh Hà | Thành viên HĐQT |
| ○ Ông Nguyễn Mạnh Hùng | Thành viên HĐQT |
| ○ Ông Trần Huy Thiệu | Thành viên HĐQT |
| ○ Ông Vũ Xuân Hiếu | Thành viên HĐQT |
| ○ Ông Nguyễn Duy Viễn | Thành viên HĐQT |
| ○ Ông Nguyễn Văn Lanh | Thành viên HĐQT |

➤ **Ban Kiểm soát**

Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc;
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.
- Cơ cấu Ban Kiểm soát của Công ty hiện nay như sau:

○ Bà Cán Thị Phương Hà	Trưởng ban
○ Bà Đào Thị Thanh Quyên	Thành viên
○ Bà Lê Thị Huyền Trang	Thành viên

➤ **Ban Giám đốc**

Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Ban Giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT, Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật;



- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty;
- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và Pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;
- Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng;
- Ký kết, thực hiện các hợp đồng theo quy định của pháp luật;
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, Ban kiểm soát và của Kiểm toán viên;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.
- Cơ cấu Ban Giám đốc của Công ty hiện nay như sau:
 - o Ông Trần Huy Đức Giám đốc
 - o Ông Nguyễn Duy Hưng Phó Giám đốc
 - o Ông Nguyễn Thanh Hà Phó Giám đốc

➤ **Chức năng các phòng ban chuyên môn**

a. Ban quản lý dự án

Chức năng

- Ban Quản lý dự án có chức năng giúp Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của chủ đầu tư trong việc quản lý, điều hành, giám sát quá trình triển khai thi công và khai thác các dự án xây dựng nhà máy điện.
- Ban Quản lý dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật và Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty về nhiệm vụ, quyền hạn những dự án được giao.
- Thực hiện triển khai, phối hợp, tất cả các hoạt động liên quan đến các hoạt động.

b. Phòng Tài chính – Kế toán

Chức năng

Là phòng chuyên môn có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc về công tác tài chính kế toán, cụ thể là:

- Theo dõi, phản ánh sự lưu chuyển nguồn vốn kinh doanh của Công ty và tư vấn cho



Ban lãnh đạo các vấn đề liên quan đảm bảo việc luân chuyển vốn, sử dụng vốn của công ty hiệu quả nhất.

- Kiểm tra, tính toán phân tích tài chính các hợp đồng, dự án của Công ty.
- Chịu trách nhiệm về số liệu báo cáo tài chính kế toán trước Hội đồng quản trị, ban Giám đốc và các Cơ quan hữu quan. Theo dõi phản ánh đúng tình hình tài chính của Công ty.
- Xây dựng kế hoạch tài chính năm, kế hoạch trung hạn, dài hạn của Công ty trình Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị phê duyệt.
- Tham mưu cho Ban Giám đốc về chế độ kế toán và những thay đổi của chế độ qua từng thời kỳ trong hoạt động kinh doanh. Tổ chức công tác kế toán, thống kê và bộ máy kế toán phù hợp với công tác tổ chức sản xuất, kinh doanh theo yêu cầu tồn tại và phát triển của Công ty.
- Tổ chức ghi chép tính toán và phản ánh chính xác, trung thực, kịp thời, đầy đủ toàn bộ tài sản và phân tích kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Xác định và phản ánh chính xác, kịp thời, đúng chế độ, kết quả kiểm kê tài sản hàng kỳ. Đề xuất xử lý các khoản hao hụt, mất mát, hư hỏng (nếu có).
- Xét duyệt các báo cáo kế toán, thống kê và báo cáo tài chính của đơn vị trực thuộc. Lập, tổng hợp đầy đủ và gửi đúng hạn báo cáo kế toán, thống kê và quyết toán tài chính của Công ty theo chế độ quy định.
- Tổ chức kiểm tra kế toán trong nội bộ Công ty.
- Nghiên cứu các chế độ chính sách trong lĩnh vực thuế, tài chính, thống kê, luật doanh nghiệp... của Nhà nước liên quan đến hoạt động của Công ty nhằm đưa ra cách thực hiện phù hợp.
- Tổ chức phổ biến và hướng dẫn kịp thời các chế độ, thể lệ tài chính, kế toán, thống kê hiện hành cho nội bộ bộ phận cũng như các bộ phận liên quan.
- Quản lý việc chuyển nhượng cổ phần, cổ phiếu của Công ty; phát hành sổ cổ đông Công ty.
- Tổ chức bảo quản, lưu trữ các tài liệu kế toán, giữ bí mật các tài liệu và số liệu kế toán của công ty.

c. Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật

Phòng Kỹ thuật là phòng nghiệp vụ trực thuộc Công ty, chịu sự điều hành trực tiếp của Ban Giám đốc, có chức năng tham mưu, quản lý nghiệp vụ trong các lĩnh vực:

- Tham mưu về kỹ thuật xây dựng công trình năng lượng điện các loại, các hệ thống văn bản pháp lý thuộc lĩnh vực xây dựng.



- Thực hiện các thủ tục về giải phóng mặt bằng, giao nhận đất, xin cấp giấy phép xây dựng (nếu cần), chuẩn bị mặt bằng xây dựng và các công việc khác phục vụ cho việc xây dựng công trình năng lượng điện.
- Chuẩn bị hồ sơ thiết kế, dự toán, tổng hợp dự toán xây dựng công trình để Hội đồng quản trị tổ chức thẩm định, phê duyệt theo quy định.
- Thẩm tra hồ sơ quyết toán các công trình, hạng mục công trình do Công ty làm chủ đầu tư và các nguồn vốn khác.
- Tổ chức đấu thầu thi công xây lắp hoặc đấu thầu tư vấn xây dựng.
- Tư vấn giám sát các công trình do Công ty làm Chủ đầu tư và các công trình nguồn vốn khác.
- Tư vấn quản lý điều hành dự án các công trình nguồn vốn khác.
- Phối hợp, hỗ trợ chủ đầu tư về kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn và các văn bản pháp lý thuộc lĩnh vực xây dựng.
- Xây dựng và thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa các bộ phận có liên quan để giải quyết công việc mang tính thống nhất và đạt hiệu quả cao.
- Các nhiệm vụ đột xuất khác do Ban Giám đốc phân công.

d. Phòng Tổ chức hành chính

Phòng Tổ chức hành chính là một phòng chuyên môn trực thuộc Tập đoàn Trường Thành, thực hiện chức năng nhiệm vụ chính trong các mảng hành chính của Công ty, cụ thể như sau:

- Xây dựng hệ thống văn bản, hồ sơ pháp lý của Công ty; cập nhật sửa đổi bổ sung thay đổi khi có yêu cầu.
- Tham mưu các vấn đề định hướng hoạt động đối ngoại, phối hợp chuẩn bị nội dung làm việc tiếp đón các đoàn khách cung cấp tài liệu cần thiết phục vụ Công ty khi đi công tác.
- Thiết lập mới và duy trì mối quan hệ hợp tác với các cá nhân, tổ chức, cơ quan trong nước và ngoài nước.
- Phối hợp với các phòng ban khác trong công tác xây dựng chương trình và tổ chức thực hiện, quản lý các dự án quốc tế trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, nâng cấp trang thiết bị, cơ sở vật chất.



e. Các nhà máy điện

Nhà máy thủy điện Ngòi hút 2

- Công suất: 48 MW
- Tổng mức đầu tư: 1.501 tỷ đồng
- Bắt đầu vận hành thương mại: năm 2015
- Địa điểm: huyện Văn Chấn, Văn Yên, Mù Cang Chải – tỉnh Yên Bái

Nhà máy thủy điện Ngòi hút 2A

- Công suất: 8.4 MW
- Tổng mức đầu tư: 292 tỷ đồng
- Bắt đầu vận hành thương mại: năm 2016
- Địa điểm: huyện Văn Chấn, Văn Yên, Mù Cang Chải – tỉnh Yên Bái

Nhà máy thủy điện Pá Hu

- Công suất: 26 MW
- Tổng mức đầu tư: 1.024 tỷ đồng
- Bắt đầu vận hành thương mại: dự kiến năm 2020
- Địa điểm: huyện Trạm Tấu – tỉnh Yên Bái

Nhà máy điện mặt trời hồ Bầu Ngứ

- Công suất: 50 MW (61,7 MW DC)
- Tổng mức đầu tư: 1.457 tỷ đồng
- Bắt đầu vận hành thương mại: năm 2019
- Địa điểm: huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận

Nhà máy điện mặt trời hồ Nút Một 1

- Công suất: 50 MW DC
- Tổng mức đầu tư: 1.039 tỷ đồng
- Thời gian: dự kiến cuối năm 2020 khởi công
- Địa điểm: huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận

3. Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty và cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến thời điểm 31/03/2020

3.1. Cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến thời điểm 31/03/2020

**Bảng 1: Cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến ngày 31/03/2020**

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VND)	Tỷ trọng (%)
I	Cổ đông trong nước	176	135.000.000	1.350.000.000.000	100
1	Tổ chức	2	34.600.000	346.000.000.000	25,63
2	Cá nhân	174	100.400.000	1.004.000.000.000	74,37
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0
1	Tổ chức	0	0	0	0
2	Cá nhân	0	0	0	0
Tổng cộng		176	135.000.000	1.350.000.000.000	100

(Nguồn: DSCĐ CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành tại ngày 31/03/2020)

3.2. Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty tính đến thời điểm 31/03/2020

Bảng 2: Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty tính đến thời điểm 31/03/2020

STT	Tên tổ đông	Địa chỉ	Số CMND/MSDN	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Công ty TNHH Xây dựng Trường Thành	209 đường Điện Biên, tổ 9, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La	5500198533	31.900.000	23,63
2	Nguyễn Thị Ngọc	Phòng 501, tòa nhà 101 đường Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội	013245745	15.700.000	11,63
Tổng cộng				47.600.000	35,26

(Nguồn: Danh sách cổ đông CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành tại ngày 31/03/2020)



Theo quy định tại Khoản 3, Điều 119, Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014, cổ phiếu do cổ đông sáng lập nắm giữ trong lần đăng ký kinh doanh đầu tiên sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 03 năm. Công ty bắt đầu hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần vào ngày 05 tháng 09 năm 2008, như vậy tính đến thời điểm hiện tại, cổ phiếu của cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

3.3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty tính đến thời điểm 31/03/2020

Bảng 3: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty tính đến thời điểm 31/03/2020

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/CCCD / MSDN	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Công ty TNHH Xây dựng Trường Thành	209 đường Điện Biên, tổ 9, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La	5500198533	31.900.000	23,63
2	Nguyễn Thị Ngọc	Phòng 501, tòa nhà 101 đường Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội	013245745	15.700.000	11,63
3	Trần Huy Đức	Phòng 501, tòa nhà 101 đường Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội	035057002222	31.400.000	23,26
4	Trần Huy Thiệu	Tổ 01 Phường Tô Hiệu, TP Sơn La, tỉnh Sơn La	050408566	8.800.000	6,52
Tổng cộng				87.800.000	65,04

(Nguồn: Danh sách cổ đông CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành tại ngày 31/03/2020)

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng, những công ty mà công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng.

4.1 Công ty mẹ

Không có.



4.2 Công ty con

Không có

4.3 Danh sách công ty liên kết

❖ Công ty Cổ phần Phong Điện Phương Mai

- Địa chỉ: Số 21, đường Nguyễn Huệ, phường Hải Cảng, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100440107 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 12/12/2019.

- Vốn điều lệ: 400.000.000.000 đồng

- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành nắm giữ 45% vốn điều lệ Công ty cổ phần Phong Điện Phương Mai.

Đến thời điểm hiện tại, Công ty đã góp được 176.967.889.892 VNĐ (*Một trăm bảy mươi sáu tỷ chín trăm sáu mươi bảy triệu tám trăm tám mươi chín nghìn tám trăm chín mươi hai đồng*) đạt 98,3% số vốn cam kết góp.

5. Hoạt động kinh doanh

5.1. Hoạt động kinh doanh

❖ Các sản phẩm, dịch vụ chính của Trường Thành

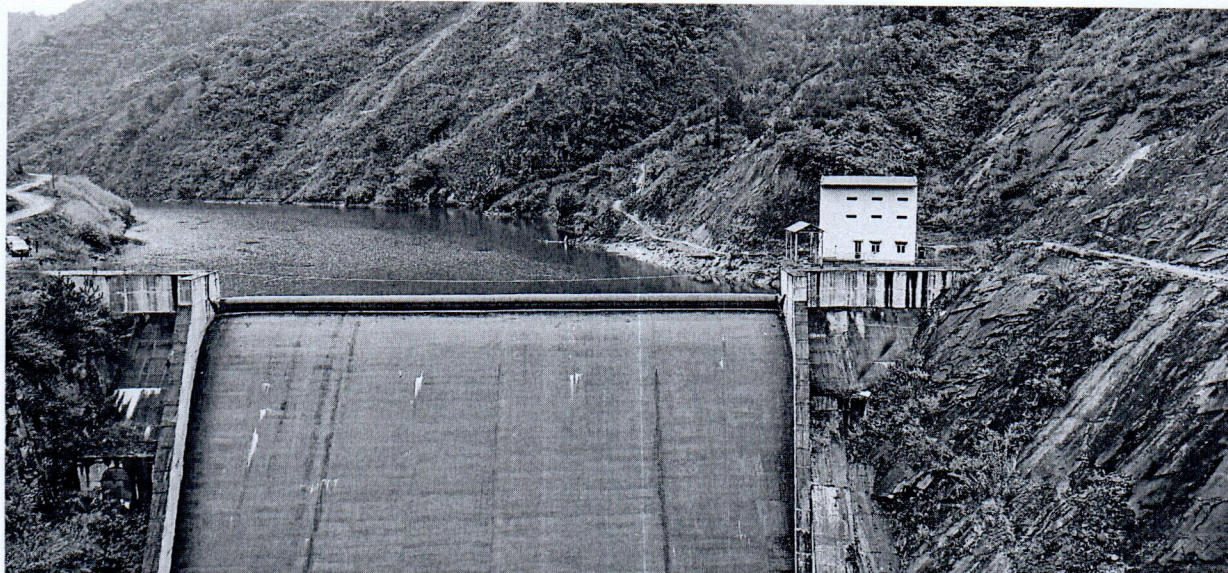
Hiện nay, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành đang hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất điện, bao gồm sản xuất công trình điện năng và kinh doanh điện. Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty đang có 3 nhà máy điện đang hoạt động và 01 Nhà máy điện sắp hoàn thành

Bảng 4: Danh sách các Nhà máy điện của công ty

STT	Tên Nhà máy	Tổng Công suất	Thời điểm vận hành	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)
1	Nhà máy thủy điện Ngòi Hút 2	48 MW	Năm 2015	1.051
2	Nhà máy thủy điện Ngòi Hút 2A	8.4 MW	Năm 2016	292
3	Nhà máy điện mặt trời hồ Bầu Ngứ	50 MW	Năm 2019	1.457
4	Nhà máy thủy điện Pá Hu	26 MW	Dự kiến năm 2020	1.024

Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành

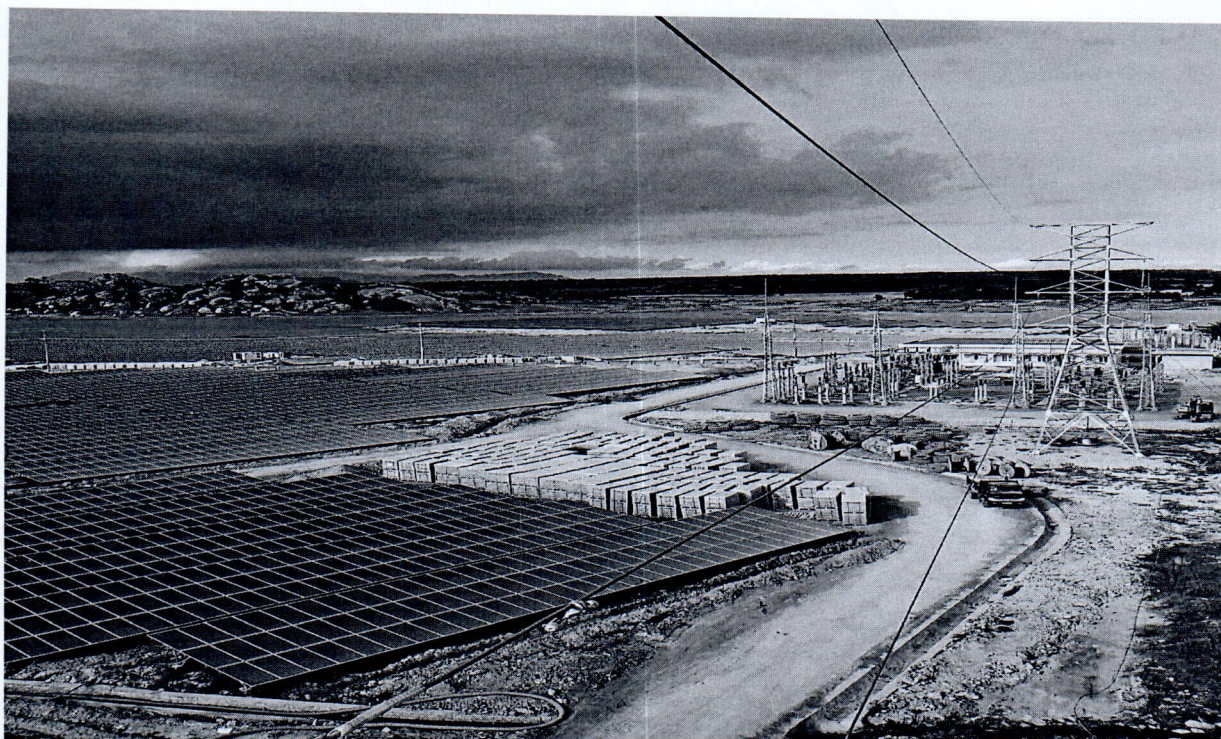
❖ Nhà máy thủy điện Ngòi Hút 2 và 2A:



Nhà máy thủy điện Ngòi Hút 2 và 2A nằm trên suối Ngòi Hút thuộc địa phận huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái. Ngòi Hút là nhánh cấp I nằm bên hữu của sông Thao. Ngòi Hút bắt nguồn từ vùng núi Phu Luông có độ cao từ 2600-2900m. Từ nguồn về, dòng chính Ngòi Hút chảy theo các hướng Tây Bắc, Đông Nam, Tây Nam- Đông Bắc và nhập với sông Hồng tại Trai Hút, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Lưu vực Ngòi Hút có chung đường phân lưu với lưu vực Nậm Tha ở phía Bắc, lưu vực Nậm Trai, Nậm Chiến ở phía Tây, Ngòi Thia ở Nam và Đông. Tính đến cửa sông, diện tích lưu vực là 632 km², độ cao lưu vực 932m, chiều rộng lưu vực 12,2 km và độ dốc trung bình 421‰.

Nhà máy thủy điện Ngòi Hút 2 bắt đầu đi vào hoạt động vào tháng 1 năm 2015, với tổng công suất là 48 MW, điện năng trung bình năm là 209 tr.KWh. Còn Nhà máy thủy điện Ngòi Hút 2A chính thức đi vào hoạt động vào tháng 12 năm 2016, với tổng công suất là 8,4MW.

❖ Nhà máy điện mặt trời hồ Bầu Ngủ



Nhà máy điện mặt trời hồ Bầu Ngủ được quy hoạch với quy mô 50MW, với diện tích đất bố trí tấm pin mặt trời là 75 ha. Nhà máy được bố trí ở khu vực hồ Bầu Ngủ thuộc địa bàn xã Phước Hải, huyện Ninh Phước; xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận, cách thành phố Phan Rang khoảng 12 km về phía Nam. Tọa độ địa lý của dự án: 11°28'8.94" vĩ độ Bắc, 108°57'49.04" Kinh độ Đông. Hiện trạng khu đất là lòng hồ Bầu Ngủ và một phần vùng đất ven hồ, chủ yếu là cây thấp, đất đồi thấp và đất ngập nước. Đây là địa điểm thuận lợi cho dự án điện mặt trời.

Đất cấp có thời hạn cho Nhà máy điện mặt trời hồ Bầu Ngủ là 75 ha. Trong đó 38,62 ha thuộc lòng hồ Bầu Ngủ. Chi tiết sử dụng đất các hạng mục như sau:

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)
1	Diện tích lắp đặt các tấm PV	37,44
2	Khoảng trống giữa các dãy PV	17,32
3	Đường giao thông nội bộ, hàng rào	18,43
4	Diện tích nhà điều hành và phụ trợ	0,5
5	Diện tích bố trí Inverter + máy biến áp 0,4/22 kV	0,61
6	Trạm biến áp 110 kV	0,7
Tổng		75,00

Nhà máy điện mặt trời hồ Bầu Ngủ được đấu nối chuyên tiếp lên đường dây 110kV Điện hạt nhân Ninh Thuận 1 – Ninh Phước. Do đó, Nhà máy đã xây dựng mới



sân phân phối 110kV với 1 MBA 22/10kV, công suất 63 MVA tại nhà máy điện mặt trời hồ Bầu Ngủ và đường dây 110kV mạch kép dài 1,5 km dây dẫn AC 240 và hòa vào lưới điện Quốc gia. Với ưu điểm sử dụng nguồn năng lượng sạch, không phát thải khí nhà kính, không gây ô nhiễm môi trường, Nhà máy điện mặt trời hồ Bầu Ngủ phù hợp với chủ trương của tỉnh Ninh Thuận về phát triển năng lượng sạch. Ngoài ra, dự án khi đi vào vận hành sẽ nâng cao độ tin cậy cung cấp điện và giảm tổn thất điện năng phục vụ phát triển kinh tế xã hội với tốc độ cao của tỉnh Ninh Thuận và khu vực lân cận cho đến năm 2020 và những năm tiếp theo.

❖ Dự án thủy điện Pá Hu

Dự án thủy điện Pá Hu được xây dựng trên dòng chính suối Nậm Tăng, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái có cao trình +529m, cách trung tâm huyện lỵ Trạm Tấu khoảng 9km về phía Đông, diện tích lưu vực tính đến tuyến đập là 112,47km², thuộc phần trung lưu của suối Nậm Tăng, diện tích lưu vực có độ che phủ trên 50%. Nhà máy thủy điện Pá Hu đặt ở bên bờ trái, ở vị trí có cao độ đáy suối khoảng 327m.

Vị trí địa lý của công trình

- Vị trí tuyến đập: 21°27'19" vĩ độ Bắc, 104°27'43" Kinh độ Đông
- Vị trí nhà máy: 21°30'54" vĩ độ Bắc, 104°29'54" Kinh độ Đông
- Vị trí đập hồ điều hòa: 21°31'25" vĩ độ Bắc, 104°30'00" Kinh độ Đông

Dự án thủy điện Pá Hu xây dựng nhằm mục đích tận dụng tối đa tiềm năng thủy điện đoạn suối Nậm Tăng, đoạn từ hạ lưu nhà máy thủy điện Nậm Tăng 3 đến thượng lưu đập thủy lợi Phai Mòn để phát điện lên hệ thống điện Quốc gia. Dự án khi đi vào vận hành sẽ cung cấp mỗi năm khoảng 85,56 triệu kWh cho khu vực và hòa vào lưới điện Quốc gia, giảm bớt sự thiếu hụt công suất cho hệ thống. Ngoài ra, công trình còn có các nhiệm vụ khai thác tổng hợp tài nguyên nước khác như: Cải thiện môi trường sinh thái, tạo cảnh quan du lịch, tạo mặt nước nuôi trồng thủy sản... Dự án đang trong quá trình xây dựng và dự kiến bắt đầu đi vào hoạt động trong quý III/2020.



5.2 Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận qua các năm

Bảng 5: Cơ cấu danh thu thuần của Công ty năm 2018, 2019

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	%/DTT	Năm 2019	%/DTT
1	Doanh thu bán điện	257.424.515.713	95,14	269.378.335.716	99,99
2	Doanh thu chuyển nhượng đường điện	11.709.962.237	4,33	-	
3	Doanh thu cung cấp dịch vụ CN Ninh Thuận	900.000.000	0,33	-	
4	Doanh thu bán hàng hóa CN Ninh Thuận	527.167.735	0,19	32.683.182	0,01
Tổng cộng		270.561.645.685	100	269.411.018.898	100

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 của Công ty)

Năm 2018, doanh thu bán điện của Công ty đạt 257,4 tỷ đồng chiếm 95,14% tổng doanh thu của Công ty, cùng với đó là doanh thu chuyển nhượng đường điện đạt 11,7 tỷ đồng tương ứng với 4,33% tổng doanh thu năm 2018. Bước sang năm 2019, với dự án nhà máy điện mặt trời Hồ Bầu Ngủ đã đi vào hoạt động, doanh thu bán điện của Công



ty đạt 269,4 tỷ đồng, chiếm hầu hết tỷ trọng trong doanh thuần năm 2019 của Công ty, tăng 4,64% so với năm 2018. Tuy nhiên, việc thiếu đi doanh thu từ chuyển nhượng đường điện khiến doanh thu năm 2019 có dấu hiệu chững lại, giảm đi 1,1 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ 0,4% so với tổng doanh thu năm 2018.

Bảng 6: Cơ cấu lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2018 - 2019

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019	
		Giá trị	(%)	Giá trị	(%)
1	Lợi nhuận từ hoạt động bán điện	193.463.698.788	100,88	184.883.085.863	100
2	Lợi nhuận chuyển nhượng đường điện	(1.557.217.780)	-0,81	-	-
3	Lợi nhuận cung cấp dịch vụ CN Ninh Thuận	-	-	-	-
4	Lợi nhuận bán hàng hóa CN Ninh Thuận	(132.162.663)	-0,07	-	-
Tổng cộng		191.774.318.345	100	184.887.398.669	100

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 của Công ty)

Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu từ hoạt động sản xuất năng lượng điện. Năm 2018, lợi nhuận gộp từ hoạt động bán điện của Công ty đạt 193,5 tỷ đồng, bước sang năm 2019, do giá vốn điện tăng cao, lợi nhuận hoạt động bán điện năm 2019 của Công ty giảm 4,31% so với năm trước, còn 184,9 tỷ đồng. Tổng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2019 là 184,9 tỷ đồng, giảm 6,9 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ 3,59% so với năm 2018.



5.3 Cơ cấu chi phí qua các năm

Bảng 7: Chi phí sản xuất kinh doanh Công ty năm 2018 - 2019

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019	
		Giá trị	%	Giá trị	%
1	Giá vốn bán hàng	78.787.327.340	44,1	84.527.933.035	41,64
2	Chi phí bán hàng	-		-	
3	Chi phí QLDN	7.809.057.429	4,37	9.519.716.724	5,03
4	Chi phí tài chính	87.396.255.516	48,92	99.523.562.124	52,6
5	Chi phí khác	4.669.735.099	2,61	1.375.315.587	0,73
Tổng cộng		178.662.375.384	100	189.205.921.775	100

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 công ty)

Giá vốn hàng bán và chi phí tài chính là hai chỉ tiêu chính trong tổng chi phí của Công ty. Giá vốn hàng bán lần lượt chiếm tỷ trọng 44,1% tương ứng với 78,8 tỷ đồng trong năm 2018 và 41,64% tương ứng với 84,5 tỷ đồng trong năm 2019. Trong khi đó, chi phí tài chính của Công ty lần lượt là 87,4 tỷ đồng trong năm 2018 (chiếm tỷ trọng 48,92%) và 99,5 tỷ đồng trong năm 2019 (chiếm tỷ trọng 52,6%). Với lợi thế đầu ra sản phẩm điện được đảm bảo, Công ty không tốn chi phí cho hoạt động bán hàng. Năm 2019, Công ty cần nhiều nguồn lực để vận hành các dự án nhà máy điện, do vậy chi phí quản lý doanh nghiệp có tăng lên 21,8% so với năm 2018. Cùng với đó là chi phí tài chính của Công ty tăng lên 99,5 tỷ đồng tương ứng với 13,9% so với năm 2018 đến từ nợ vay để tài trợ cho dự án Nhà máy Điện mặt trời Hồ Bầu Ngứ.

5.4 Nguyên vật liệu

Yếu tố đầu vào là yếu tố rất quan trọng đối với hoạt động kinh doanh của Công ty. Đầu vào của Công ty chủ yếu là nguồn nước thiên nhiên và nguồn năng lượng mặt trời. Vì vậy tính ổn định của nguồn nguyên liệu với điều kiện thời tiết, khí hậu trong vùng là những yếu tố chính quyết định tới sản lượng, doanh thu và lợi nhuận của một nhà máy thủy điện, điện mặt trời



➤ **Sự ổn định của các nguồn cung cấp**

Lưu lượng nước

Theo tình hình thực tế của Công ty, tình hình nguồn nước và dòng chảy để đảm bảo nhà máy tạo ra được sản lượng điện cao kéo dài từ tháng 5 đến tháng 12 (8 tháng), trong đó, sản lượng điện cao nhất rơi vào tháng 8, 9 và tháng 10. Các tháng mùa kiệt có nguồn nước và dòng chảy thấp, kéo theo sản lượng điện mà Nhà máy có thể tạo ra thấp, rơi vào các tháng từ tháng 2 đến tháng 5 hàng năm, tuy nhiên trong các tháng mùa kiệt, sản lượng điện trung bình tháng vẫn duy trì trong khoảng chấp nhận được. Tình trạng này có tính ổn định tương đối và có sự lặp lại nhiều năm, điều đó cho thấy nguồn nước thực tế tại Nhà máy Thủy Điện Ngòi Hút 2 và 2A tương đối ổn định và tương ứng với nguồn nước đã tính toán trong thiết kế kỹ thuật ban đầu.

Ánh nắng mặt trời

Công ty đã lựa chọn Ninh Thuận là nơi thực hiện xây dựng nhà máy Điện mặt trời Hồ Bầu Ngủ với công suất 50 MW. Việt Nam là một trong những quốc gia có cường độ năng lượng bức xạ mặt trời lớn nhất trong biểu đồ bức xạ mặt trời thế giới. Đặc biệt, Ninh Thuận đang được xem là địa phương có lợi thế để phát triển năng lượng mặt trời.. Với tiềm năng, lợi thế về năng tạo bức xạ mặt trời mạnh, tỷ lệ bức xạ trực tiếp trung bình luôn cao hơn 4,5 kWh/m² kết hợp số giờ nắng trung bình 7,5 giờ/ngày (lượng giờ nắng trong năm đạt hơn 2.800 giờ) cùng sự chênh lệch và bức xạ mặt trời giữa các mùa trong năm không cao, là điều kiện thuận lợi cho việc khai thác hiệu quả nguồn năng lượng mặt trời của Ninh Thuận.

➤ **Ảnh hưởng của sự biến động giá nguyên vật liệu đến doanh thu và lợi nhuận**

Nguồn nguyên liệu phục vụ cho công tác sản xuất của các nhà máy điện là tài nguyên nước và năng lượng mặt trời. Vì vậy, Doanh thu và Lợi nhuận hoạt động của Công ty không chịu tác động từ giá cả nguồn nguyên liệu đầu vào hay nguồn cung của nhà cung cấp. Tuy nhiên, do nguồn cung duy nhất là nước và ánh nắng mặt trời nên điều kiện thời tiết, sự ổn định của nguồn nước hay mức độ bức xạ của mặt trời là những yếu tố tiềm ẩn nhiều rủi ro có thể tác động hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

5.5 Trình độ công nghệ

Các nhà máy điện ở nước ta có mức độ tự động hóa, trình độ thiết bị, công nghệ khác nhau. Hệ thống máy móc thiết bị của Công ty đều được nhập khẩu từ nhiều nước có trình độ công nghệ tiên tiến, phát triển, nhìn chung so với các công nghệ cùng loại hiện hành, các máy móc thiết bị của nhà máy đều đáp ứng tốt các tiêu chuẩn kinh tế kỹ



thuật. Các tính năng ưu việt của hệ thống phần mềm tự động hóa điều khiển nhà máy là đơn giản, dễ dàng cho thao tác và vận hành ở độ an toàn cao. Hệ thống điều khiển có khả năng tự kiểm tra các khu vực, được điều khiển và báo động khi xuất hiện lỗi của bất cứ bộ phận nào trong hệ thống. Điều này cho phép người sử dụng biết trước các sự cố có thể hoặc sắp xảy ra để có phương án chuẩn bị, giảm thiểu thời gian sửa chữa, bảo hành. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ kỹ thuật của nhà máy có trình độ chuyên đáp ứng yêu cầu vận hành nhận chuyển giao từ nhà thầu cung cấp thiết bị công nghệ, cùng với kinh nghiệm tích lũy qua thực tiễn trong suốt thời gian vận hành các nhà máy điện, đã giúp Công ty làm chủ được công nghệ nên công tác vận hành Nhà máy, luôn đảm bảo an toàn và đạt hiệu quả sản xuất cao.

5.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Đối với sản phẩm là điện thương phẩm, công tác quản lý chất lượng của Công ty tập trung vào đảm bảo chất lượng điện cung cấp thông qua việc duy trì việc đáp ứng các thông số kỹ thuật tiêu chuẩn theo quy định chung của ngành điện về: tần số, điện áp, mức độ ổn định lưới điện.... Nhằm đảm bảo cho máy móc, thiết bị, các công trình phụ trợ, đê đập, hồ chứa luôn trong điều kiện vận hành tốt, đảm bảo sự liên tục và ổn định trong việc cung cấp điện cho lưới điện quốc gia, đáp ứng các tiêu chuẩn quy định, Công ty đã triển khai một loạt các giải pháp sau:

- Công tác vận hành: thường xuyên củng cố, chấn chỉnh công tác vận hành trên các mặt: Trực ca, kiểm tra thiết bị vận hành, thao tác xử lý sự cố thiết bị, thực hiện các quy trình liên quan đến công tác vận hành; ghi chép nhật ký vận hành, công tác báo cáo, công tác vệ sinh công nghiệp hàng ngày, định kỳ.
- Đưa công tác quản lý thiết bị vào nề nếp: Lập và cập nhật lý lịch thiết bị để theo dõi vận hành sửa chữa, lập nhu cầu mua vật tư thiết bị dự phòng để thay thế kịp thời những hư hỏng đảm bảo cho vận hành.
- Công tác an toàn vận hành luôn được trú trọng, tuân thủ nghiêm chế độ phiếu thao tác, công tác. Các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động được kiểm tra định kỳ đầy đủ.
- Công tác phòng chống cháy nổ luôn được chú trọng, thực hiện triển khai bảo hiểm cháy nổ bắt buộc theo quy định.
- Triển khai thực hiện chế độ bảo dưỡng và sửa chữa định kỳ theo đúng Quy trình quy định của Công ty.
- Lập phương án Phòng chống bão lụt hàng năm, chuẩn bị các điều kiện để triển khai thực hiện phương án khi có lũ xảy ra.



- Xây dựng đầy đủ và thực hiện nghiêm chỉnh các Quy trình phối hợp vận hành Nhà máy; Quy trình phối hợp khai thác nguồn nước từ hồ chứa nước; các quy trình vận hành khác.
- Phổ biến và hướng dẫn kịp thời các qui định về Bảo hộ lao động và An toàn lao động tới từng cán bộ công nhân viên của Công ty, qua đó nâng cao ý thức cho người lao động, phòng tránh các nguy cơ xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

5.7 Hoạt động Marketing

Hiện tại sản phẩm chính của Công ty là điện thương phẩm. Việc tiêu thụ điện đã được đảm bảo bởi Hợp đồng mua bán điện dài hạn được ký giữa Công ty và Tổng Công ty Điện lực miền Bắc; giữa Công ty và Tập đoàn điện lực Việt Nam. Những biện pháp thúc đẩy bán hàng của Công ty bằng việc xây dựng và thực hiện tốt Quy trình phối hợp vận hành, điều độ giữa bên mua và bên bán; tổ chức các buổi giao lưu thăm hỏi trong các dịp lễ tết, học hỏi kinh nghiệm quản lý, điều độ vận hành....

5.8 Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo và nhãn hiệu của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành:



Biểu tượng trên được công ty thống nhất sử dụng làm nhãn hiệu cho các sản phẩm và dịch vụ của Công ty. Logo và nhãn hiệu của Công ty đã được đăng ký bản quyền.

5.9 Tình hình nghiên cứu, phát triển sản phẩm dịch vụ mới

Hiện tại, Công ty vẫn tập trung phát triển ngành nghề truyền thống là đầu tư vào các dự án Nhà máy điện. Công ty đã và đang trong quá trình xây dựng dự án Nhà máy



thủy điện Pá Hu và các dự án Nhà máy điện khác như: Nhà máy điện gió Phương Mai 1, dự án Nhà máy điện mặt trời Hồ Núi Một 1.

5.10 Một số hợp đồng đã và đang thực hiện

Bảng 8: Danh sách một số hợp đồng chính đã và đang thực hiện

STT	Tên khách hàng	Nội dung hợp đồng	Thời gian thực hiện	Giá trị HĐ (tỷ đồng)
1	Tổng Công ty Điện lực miền Bắc	Hợp đồng mua bán điện Nhà máy thủy điện Ngòi Hút 2 và Nhà máy thủy điện Ngòi Hút 2A	2015	-
2	Tập đoàn điện lực Việt Nam	Hợp đồng mua bán điện Nhà máy điện mặt trời Hồ Bầu Ngủ	2018	-

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành)

6. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Bảng 9: Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018, 2019 của Công ty

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019
1	Doanh thu	270.561.645.685	269.411.018.898
2	Giá vốn hàng bán	78.787.327.340	84.527.933.035
3	Chi phí quản lý	7.809.057.429	9.519.716.724
4	Doanh thu tài chính	55.144.072	5.196.886.830
5	Chi phí tài chính	87.396.255.516	99.523.562.124
6	Chi phí khác	4.669.735.099	1.375.315.587
7	Lợi nhuận trước thuế	92.333.002.137	79.661.383.258
8	Lợi nhuận sau thuế	92.333.002.137	75.404.721.665

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 của Công ty)



6.2 Những khó khăn và thuận lợi

Những thuận lợi cơ bản:

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm hỗ trợ thường xuyên và kịp thời của Lãnh đạo cũng như các cấp chính quyền địa phương trong tổ chức hoạt động kinh doanh của mình, bảo vệ an toàn tài sản Nhà máy.

- Công ty luôn nhận được sự trợ giúp thiết thực của lãnh đạo, các phòng ban kỹ thuật chuyên môn của Tập đoàn Điện Lực Việt Nam và Tổng công ty Điện lực miền Bắc trong công tác rà soát quy trình quản lý vận hành, đặc biệt là trong công tác xử lý sự cố kỹ thuật hoặc công tác bảo hành sửa chữa.

- HĐQT Công ty thường xuyên chỉ đạo kịp thời sát sao giải quyết các khó khăn vướng mắc nảy sinh trong kinh doanh, bám sát Nghị quyết của Đại hội cổ đông đề ra.

- Tập thể cán bộ Công nhân viên đoàn kết, gắn bó với nỗ lực và lòng quyết tâm cao phấn đấu hoàn thành vượt mức các nhiệm vụ trọng tâm do Đại hội cổ đông đề ra.

- Đội ngũ cán bộ kỹ thuật vận hành Nhà máy qua thời gian thử thách vận hành, ngày càng tích lũy kinh nghiệm, từng bước nắm bắt thiết bị, xử lý linh hoạt các tình huống kỹ thuật, hạn chế thấp nhất sự cố; tính ổn định của máy móc thiết bị được kiểm chứng sau thời gian vận hành là một trong các yếu tố góp phần vào việc vận hành Nhà máy một cách an toàn, hiệu quả.

- Đã được xây dựng, ban hành đầy đủ và hoàn thiện hồ sơ kỹ thuật của Nhà máy, các quy trình vận hành, quản lý kỹ thuật, an toàn sản xuất để áp dụng trong thực tế; công tác quản lý thiết bị đã đưa vào nề nếp.

- Công tác vận hành tuân thủ nghiêm ngặt về quy trình kỹ thuật, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ;

- Công tác bảo dưỡng sửa chữa thiết bị được thực hiện tốt theo đúng kế hoạch đề ra;

- Công tác tổ chức bộ máy hoạt động, nhân sự được củng cố kiện toàn từng bước.

Những khó khăn cơ bản:

Do phương hướng phát triển chính của Công ty vẫn là sản xuất điện năng, điều kiện thiên nhiên đóng vai trò là một trong những tác nhân có sức ảnh hưởng lớn nhất đến kết quả hoạt động của Công ty. Các nhà máy thủy điện bị ảnh hưởng đáng kể do tác



động của biến đổi khí hậu làm thay đổi dòng chảy của các lưu vực sông. Khi dòng chảy tăng, về lý thuyết khả năng phát điện sẽ tăng, tuy nhiên thực tế ở nhiều nhà máy do hạn chế về dung lượng hồ chứa và công suất phát điện, nên đã hạn chế khả năng phát điện. Ngược lại, dòng chảy giảm về mùa cạn tác động lớn đến giảm phát điện. Ngoài ra ở Việt Nam, đặc biệt là nước biển dâng và các thay đổi cực đoan của khí hậu như dông bão, mưa lớn và thay đổi nhiệt độ thất thường... đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống cư dân, sản xuất, môi trường và cơ sở hạ tầng, trong đó có ngành điện.

Trong năm 2020, đứng trước sự sụt giảm của nền kinh tế và dịch bệnh toàn cầu đã gây nên nhiều khó khăn cho hoạt động của các doanh nghiệp nói chung và Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành nói riêng. Tuy nhiên, đây là tình trạng khó khăn chung của các Doanh nghiệp và theo dự đoán nền kinh tế sẽ được ổn định và hồi phục trong nửa cuối năm 2020 và trong năm 2021.

7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng

7.1 Lợi thế cạnh tranh

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành là một Doanh nghiệp hoạt động với lĩnh vực kinh doanh cốt lõi là hoạt động đầu tư xây dựng và kinh doanh năng lượng điện. Trải qua hơn 12 năm phát triển, Trường Thành đã xây dựng cho mình những lợi thế cạnh tranh với các Doanh nghiệp khác cùng ngành, cụ thể như sau:

- Công ty hiện đang nắm vững những công nghệ thi công các dự án thủy điện và điện mặt trời tiên tiến nhất được Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam kiểm định nghiên cứu. Ngoài ra, Công ty cũng đang vận hành các dự án thủy điện và điện mặt trời, với mức giá điện cạnh tranh, đóng góp một phần vào sự phát triển của ngành điện nói chung trên cả nước.

- Đội ngũ lãnh đạo ưu tú, trình độ cao kết hợp với các chuyên gia hàng đầu, giàu kinh nghiệm đã tạo nên tiềm lực và sức cạnh tranh cho Công ty, đưa thương hiệu Trường Thành nhanh chóng lớn mạnh và phát triển.

- Hiện nay, Công ty đang triển khai đồng loạt một số dự án quy mô lớn có tổng mức đầu tư trên nghìn tỷ đồng. Đây sẽ là cơ hội để Trường Thành khẳng định thương hiệu và chất lượng cho sản phẩm của Công ty

7.2 Triển vọng phát triển của ngành



Ngày 06/04/2020, Thủ tướng ban hành Quyết định 13/2020/QĐ-TTg về cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời tại Việt Nam thay thế Quyết định 11/2017/ QĐ-TTg hết hiệu lực từ ngày 30/06/2019. Điện mặt trời trên tòa nhà của Tổng công ty Điện lực TP.HCM Theo Quyết định 13, giá mua điện dự án điện mặt trời mặt đất là 7,09 UScent/kWh (tương đương 1.644 đồng). Giá mua điện mặt trời nổi là 7,69 UScent/kWh (tương đương 1.783 đồng), và điện mặt trời mái nhà là 8,38 UScent/kWh (khoảng 1.943 đồng). Các mức giá này chưa gồm thuế VAT, được điều chỉnh theo biến động tỷ giá VND/USD và áp dụng trong 20 năm từ ngày dự án vận hành thương mại.

Điều kiện dự án điện mặt trời mặt đất được hưởng mức giá 7,09 UScent/kWh là có quyết định chủ trương đầu tư trước ngày 23/11/2019, vận hành thương mại trước 31/12/2020. Các dự án khác được xác định giá mua điện thông qua cơ chế đấu thầu cạnh tranh. Riêng các dự án tại tỉnh Ninh Thuận nằm trong quy hoạch, vận hành thương mại trước 01/01/2021 được hưởng mức giá 9,35 UScent/kWh (2.086 đồng). Giá mua này cũng chưa gồm thuế VAT và kéo dài trong 20 năm.

Nghị quyết Số 55-NQ/TW ngày 11 tháng 02 năm 2020 về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 mang tư duy mới trong phát triển năng lượng quốc gia. Một điểm nhấn được đặt ra trong Nghị quyết 55 là khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi để kinh tế tư nhân tham gia vào công cuộc phát triển năng lượng. Nghị quyết đã nêu rõ các định hướng quan trọng, nguyên tắc mục tiêu để tiếp tục xóa bỏ rào cản, tạo môi trường thuận lợi minh bạch, thông thoáng cho tất cả các ngành kinh tế, nhất là khu vực tư nhân tham gia các lĩnh vực tiềm năng nói chung và năng lượng nói riêng. *“Theo đó, tạo lập môi trường thuận lợi, minh bạch; công khai quy hoạch, danh mục các dự án đầu tư, xóa bỏ mọi rào cản để thu hút, khuyến khích tư nhân tham gia đầu tư, phát triển các dự án năng lượng trong và ngoài nước, chú trọng những dự án phát điện và các hoạt động bán buôn, bán lẻ điện theo cơ chế thị trường. Tiếp tục khuyến khích, thu hút đầu tư nước ngoài có quy mô, chất lượng và hiệu quả cho ngành năng lượng”*- Nghị quyết phân tích cụ thể.

Việt Nam sẽ là một trong những thị trường điện phát triển nhanh nhất ở Châu Á trong thập kỷ tới, về nhu cầu, công suất và sản xuất. Nền tảng kinh tế vĩ mô mạnh mẽ, được thúc đẩy bởi lĩnh vực sản xuất mở rộng, sẽ đảm bảo tăng trưởng cho Ngành Năng lượng. Theo báo cáo của BMI, Ngành Điện sẽ có tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm là 5,8% từ năm 2018 đến năm 2027, đạt tổng công suất là 82,6 GW vào năm 2027.



Giá bán điện hiện nay của Việt Nam được đánh giá thấp hơn so với một số nước trong khu vực do được sự hỗ trợ từ các chính sách của Chính Phủ nhằm khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế khác. Tuy nhiên trong những năm tới, bảng giá điện sẽ được phê duyệt tăng thêm sẽ tạo ra thuận lợi lớn cho hoạt động sản xuất kinh doanh cho các công ty trong Ngành Năng lượng sạch.

Tiêu thụ điện năng tại Việt Nam dự báo sẽ tăng nhanh trong giai đoạn dự báo 10 năm đến năm 2027, tăng trung bình hàng năm là 6,6% từ năm 2018 đến năm 2027. Đây sẽ là một trong những mức tăng trưởng tiêu thụ điện năng nhanh nhất ở Khu vực châu Á. Tăng trưởng nhu cầu điện sẽ được dẫn dắt bởi tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ. Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI mạnh mẽ, hoạt động sản xuất định hướng xuất khẩu tăng, ngành dịch vụ được hỗ trợ bởi ngành du lịch đang phát triển nhanh và mức thu nhập tăng sẽ là động lực chính của nền kinh tế. Đặc biệt, các ngành công nghiệp và sản xuất sử dụng nhiều Năng lượng đã phát triển nhanh chóng, góp phần tăng nhu cầu điện năng trong nước.

Ngày 18/03/2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 428/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020 có xét đến năm 2030 (gọi tắt là Quy hoạch Điện VII điều chỉnh), theo đó đến năm 2020 nguồn điện sẽ được quy hoạch như sau:

Mục tiêu	ĐVT	2020	2025	2030
Điện thương phẩm	Tỷ kWh	235-245	352-379	506-559
Tỷ lệ năng lượng tái tạo	%	7%	-	10%
Công suất các nguồn điện	MW	58.850	94.358	127.420
Nhiệt điện than	MW	26.000	47.600	55.300
Thủy điện	MW	21.600	24.600	27.800
Nhiệt điện khí	MW	9.000	15.000	19.000
Năng lượng mặt trời	MW	850	4.000	12.000
Điện gió	MW	800	2.000	6.000
Điện sinh khối	MW	600	1.158	2.720
Điện hạt nhân	MW	-	-	4.000
Cơ cấu các nguồn điện		100%	100%	100%
Nhiệt điện than	%	42,7	49,3	42,6
Thủy điện	%	30,1	21,1	16,9
Nhiệt điện khí	%	14,9	15,6	14,7



Năng lượng tái tạo	%	9,9	12,5	21,0
Nhập khẩu	%	2,4	1,5	1,2
Điện hạt nhân	%	-	-	3,6

Theo đó đến năm 2020, công suất phát và sản lượng điện thương phẩm tăng cao so với thời điểm cuối 2015, trong đó Nhiệt điện than vẫn có tốc độ phát triển nhanh và chiếm thị phần lớn trong cơ cấu sở hữu nguồn điện. Song song đó tỷ trọng nguồn phát Thủy điện sẽ giảm dần và bổ sung nguồn phát từ Năng lượng tái tạo và Điện hạt nhân.

8. Chính sách đối với người lao động

Tính đến thời điểm 31/03/2020 - Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành có tổng số 125 lao động bao gồm 40 nhân lực quản lý dự án, văn phòng và 85 nhân lực quản lý vận hành nhà máy điện.

Chất lượng nguồn nhân lực của công ty như sau:

Bảng 10: Cơ cấu lao động của Công ty tính đến thời điểm 31/03/2020

STT	Trình độ	Số người	Tỷ lệ (%)
1	Thạc sĩ quản lý	05	4%
2	Cử nhân tài chính, kế toán	05	4%
3	Kỹ sư điện	15	12%
4	Kỹ sư cơ khí	10	8%
5	Kỹ sư xây dựng, giao thông	20	16%
6	Cao đẳng, trung cấp	70	56%
	Tổng cộng	125	100%

Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành)

- Chế độ làm việc

- Thời gian làm việc: 8 giờ/ngày từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 (đối với khối văn phòng); còn đối với kinh doanh thời gian theo ca hoặc làm 8h/ngày, mỗi tuần được nghỉ thiếu 1 buổi.

- Người lao động được làm việc trong một môi trường ổn định, chuyên nghiệp, chế độ đãi ngộ xứng đáng với năng lực chuyên môn và hiệu quả công việc; mức lương, thưởng cạnh tranh.

- Chính sách tuyển dụng



- Việc tuyển dụng nhân sự thực hiện theo Quy trình tuyển dụng đã ban hành. Các ứng viên được tuyển dụng phải đáp ứng được yêu cầu về sức khỏe và kinh nghiệm công tác cũng như các phẩm chất đạo đức theo quy định của mỗi vị trí công việc.

- Chính sách đào tạo

- Đào tạo và phát triển nhân viên luôn được Công ty luôn chú trọng và ưu tiên. Công tác đào tạo được thực hiện hàng năm, từ đào tạo nội bộ đến việc cử CBNV tham gia các khóa đào tạo trong và ngoài nước nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, tính chuyên nghiệp trong công việc.

- Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

- Công ty xây dựng đầy đủ Quy chế tiền lương, Quy chế thi đua khen thưởng, theo đó người lao động được trả lương, thưởng theo năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc. Hàng tháng, quý, năm đều có đánh giá để xét trả lương, xét khen thưởng các danh hiệu. Mức lương trung bình hàng tháng của người lao động là 5 triệu đồng/tháng.

Công ty đảm bảo các chế độ cho người lao động: Ký hợp đồng lao động, tham gia BHXH, BHYT, BHTN; nghỉ phép, lễ Tết; thai sản, con nhỏ, làm thêm giờ và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật lao động và của Công ty. Ngoài tiền lương và các chế độ phúc lợi theo luật, người lao động còn được hưởng các phúc lợi khác như du lịch hàng năm.

9. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chỉ được chi trả cho cổ đông khi công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

10. Tình hình hoạt động tài chính

10.1 Năm tài chính Công ty

- Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.



- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành của Việt Nam.

10.2 Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

10.3 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản nợ và khoản vay, không có nợ quá hạn. Tính đến thời điểm 31/12/2019, Công ty không có bất kỳ khoản nợ quá hạn nào đối với Ngân hàng, các nhà cung cấp.

10.4 Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp khác cho Nhà nước

10.5 Trích lập các Quỹ theo luật định

Theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, trước khi phân chia cổ tức cho cổ đông, Công ty phải trích lập các Quỹ theo quy định. Việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm do ĐHCĐ quyết định.

Từ khi thành lập, Công ty chưa phân phối lợi nhuận tích lũy vào các quỹ. Công ty sẽ tiến hành trích lập quỹ theo luật định ngay sau khi có lợi nhuận đủ trích lập quỹ.

10.6 Tổng dư nợ vay

Bảng 11: Cơ cấu vay

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	158.940.851.900	320.180.348.215
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	1.318.323.638.345	1.951.739.966.088

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 của Công ty)

Các khoản vay dài hạn từ các tổ chức tín dụng rất phù hợp cho Công ty để phục vụ cho mục đích mở rộng phát triển xây dựng các dự án nhà máy điện mới. Với uy tín của mình, Công ty nhận được sự tín nhiệm cao từ các tổ chức tài chính thông qua việc chấp thuận tài trợ vốn đầu tư các dự án Thủy điện và Điện Mặt trời bởi các ngân hàng lớn trong nước. Cơ cấu các khoản vay nợ của Công ty cuối năm 2019 như sau:

Vay và nợ thuê tài chính	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn các thành viên Ban lãnh đạo</i>	159.680.348.215	18.597.726.900
Vay ngắn hạn các thành viên Ban lãnh đạo	159.680.348.215	18.597.726.900



Vay dài hạn đến hạn trả	160.500.000.000	140.343.125.000
Agribank - CN Tỉnh Sơn La và Agribank - CN Lạng Sơn (1)	14.300.000.000	11.920.000.000
VDB - CN Yên Bái (3)	85.200.000.000	85.200.000.000
BIDV - CN Yên Bái và BIDV - CN Chương Dương - HĐTD số 01/2014/2548422 ngày 07/05/2014 (4)	33.000.000.000	33.000.000.000
BIDV - CN Yên Bái - HĐTD số 01/2015/2548422 HĐTD ngày 19/06/2015 (5)	4.000.000.000	4.000.000.000
BIDV - CN Yên Bái - HĐTD số 01/2018/2548422/HĐTD ngày 06/08/2018 (6)	24.000.000.000	6.000.000.000
Techcombank - CN Thăng Long (7)	-	223.125.000
Tổng vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320.180.348.215	158.940.851.900
Vay dài hạn	1.951.739.966.088	1.318.323.638.345
Agribank - CN Tỉnh Sơn La và Agribank - CN Lạng Sơn (1)	145.211.951.020	159.511.951.020
Agribank - CN Tỉnh Sơn La và Agribank - CN Tỉnh Lạng Sơn (2)	578.871.317.049	253.770.855.167
VDB - CN Yên Bái (3)	260.960.966.818	346.160.966.818
BIDV - CN Yên Bái và BIDV - CN Chương Dương - HĐTD số 01/2014/2548422 ngày 07/05/2014 (4)	57.165.634.000	90.165.634.000
BIDV - CN Yên Bái - HĐTD số 01/2015/2548422 HĐTD ngày 19/06/2015 (5)	62.500.000.000	66.500.000.000
BIDV - CN Yên Bái - HĐTD số 01/2018/2548422/HĐTD ngày 06/08/2018 (6)	847.030.097.201	402.214.231.340
Tổng vay và nợ thuê tài chính dài hạn	1.951.739.966.088	1.318.323.638.345
Tổng	2.271.920.314.303	1.477.264.490.245

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 của Công ty)

- (1) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La theo hợp đồng tín dụng số 99-2015/HĐTD/SL-LA/NH2A ngày 15/06/2015, trong đó Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Lạng Sơn là hai bên cho vay hợp vốn, hạn mức cho vay là 134.000.000.000 VND, phụ lục số 01-2016/HĐTD/SL-LA/NH2A ngày 01/09/2016, thay đổi hạn mức vay là 179.000.000.000 VND, mục đích đầu tư dự án thủy điện Ngòi Hút 2A, thời gian vay là 144 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, tài sản đảm bảo là quyền đối với vốn góp của các cổ đông của công ty căn cứ hợp đồng thế chấp số 01-2015 ngày 20/6/2015, giá trị



tạm tính của tài sản đảm bảo này là 409.735.000.000 VND, hợp đồng bổ sung thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 02-2016/HĐSDBS ngày 01/09/2016, giá trị tài sản hình thành tạm tính là 256.165.000.000 VND.

▪ (2) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La theo hợp đồng tín dụng số 02-2017/HĐTD/SL-LA ngày 10/10/2017, trong đó Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La là hai bên cho vay hợp vốn, hạn mức vay 607.000.000.000 VND, mục đích đầu tư dự án thủy điện Pá Hu, thời gian vay là 14 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, tài sản đảm bảo là toàn bộ giá trị công trình dự án.

▪ (3) Khoản vay Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh ngân hàng phát triển Yên Bái theo hợp đồng tín dụng đầu tư số 01/2011/HDDTDDDDT-NHPT ngày 29/01/2011, mục đích đầu tư xây dựng và mua sắm thiết bị cho dự án "Đầu tư xây dựng thủy điện Ngòi Hút 2", tổng số tiền vay 622.868.000.000 VND, hợp đồng sửa đổi hợp đồng tín dụng đầu tư số 02/2015/HDSDBS-NHPT ngày 06/08/2015, sửa đổi số tiền vay tối đa là 703.868.000.000 VND, thời hạn vay 144 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn trả nợ gốc là 114 tháng, lãi suất trong hạn 9,6%, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành sau đầu tư căn cứ hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2011/HĐTCTS-NHPT ngày 29/01/2011, hợp đồng sửa đổi bổ sung thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2016/HĐTCTS-NHPT ngày 18/07/2016, giá trị tài sản thế chấp xác định là 1.385.102.645.120 VND.

▪ (4) Khoản vay Ngân hàng TMCP ĐT & PT Việt Nam - CN Yên Bái theo hợp đồng tín dụng số 01/2014/2548422 ngày 07/05/2014, trong đó Ngân hàng TMCP ĐT & PT Việt Nam - CN Yên Bái và Ngân hàng TMCP ĐT & PT Việt Nam - CN Chương Dương là hai bên cho vay hợp vốn, hạn mức vay 172.696.000.000 VND, mục đích đầu tư dự án thủy điện Ngòi Hút 2, tổng mức đầu tư phê duyệt là 1.239.080.000.000 VND, thời gian vay là 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành sau dự án

▪ (5) Khoản vay Ngân hàng TMCP ĐT & PT Việt Nam - CN Yên Bái theo hợp đồng tín dụng số 01/2015/2548422/HĐTD ngày 19/06/2015 nhằm mục đích bổ sung đầu tư dự án thủy điện Ngòi Hút 2, số tiền vay 77.000.000.000 VND, thời hạn vay 120 tháng, tài sản thế chấp là TSCĐ hình thành sau dự án

▪ (6) Khoản vay Ngân hàng TMCP ĐT & PT Việt Nam - CN Yên Bái theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/2548422/HĐTD ngày 06/08/2018 nhằm mục đích đầu tư Dự án nhà máy điện mặt trời hồ Bầu Ngừ do bên vay làm chủ đầu tư, tổng vốn đầu tư được phê



duyệt là 1.426.050.000.000 VNĐ, tổng số tiền gốc tối đa 914.000.000.000 VNĐ nhưng không vượt quá 70% tổng mức đầu tư dự án, thời hạn vay là 132 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành sau dự án căn cứ hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2018/2548422 ngày 06/8/2018 và hợp đồng thế chấp động sản và quyền tài sản số 03/2018/2548422/HĐTC ngày 06/08/2018

▪ (7) Khoản vay Chi nhánh Thăng Long - Ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số LHA2015186/HĐTD ngày 30 tháng 3 năm 2015, tổng số tiền vay 3.570.000.000 VNĐ, mục đích mua xe ô tô phục vụ sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 48 tháng, tài sản đảm bảo là xe ô tô con nhãn hiệu LEXUS, số loại LX570, sản xuất năm 2014, biển kiểm soát 30A.606.22.

10.7 Hàng tồn kho

Bảng 12: Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Khoản mục	Năm 2018	Năm 2019
1	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	245.214.455	-
2	Hàng hoá	427.230.510	394.547.272
Tổng cộng		672.443.965	394.547.272

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 của Công ty)

10.8 Tình hình công nợ hiện nay

Bảng 13: Các khoản phải thu ngắn hạn

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Khoản mục	31/12/2018	31/12/2019
1	Phải thu của khách hàng	142.623.000	16.475.012.238
2	Trả trước cho người bán	274.993.547.724	43.040.192.200
3	Phải thu ngắn hạn khác	37.617.610.696	29.248.986.653
4	Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Tổng cộng		312.753.781.420	88.764.191.091

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 của Công ty)

**Bảng 14: Các khoản phải trả**

Đơn vị: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019
1	Phải trả cho người bán	9.847.402.950	55.819.247.064
2	Người mua trả tiền trước	-	-
3	Thuế và các khoản phải nộp	6.492.830.657	5.824.802.832
4	Phải trả người lao động	-	884.938.077
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	11.223.007.941	39.596.074.280
6	Phải trả ngắn hạn khác	18.899.101.668	159.779.503.045
Tổng cộng		46.462.343.216	261.904.565.298

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 của Công ty)

10.9 Các khoản đầu tư tài chính**Bảng 15: Các khoản đầu tư**

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019
1	Đầu tư ngắn hạn	1.790.000.000	1.790.000.000
2	Đầu tư dài hạn	13.000.0000.000	176.967.889.892
TỔNG			

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 của Công ty)

10.10. Tình hình tài chính**Bảng 16: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
1. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,56	0,61
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,27	1,53
2. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,87	0,24
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,87	0,24



Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
<u>Giá vốn hàng bán</u>	Vòng	115,47	158,44
Hàng tồn kho bình quân			
+ Hiệu suất sử dụng toàn bộ tài sản:			
<u>Doanh thu thuần</u>	Lần	0,11	0,08
Tổng tài sản bình quân			
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	34,13	27,99
+ Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	8,11	5,52
+ Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân	%	3,85	2,28
+ Hệ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	35,71	30,08

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018, 2019 của Công ty)

11. Tài sản cố định

Bảng 17: Danh mục tài sản

T T	Chỉ tiêu	31/12/2018			31/12/2019		
		Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	%	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	%
I	Tài sản hữu hình	1.746.876.836.003	1.533.995.495.138	87,81	3.080.707.815.357	2.791.966.477.567	90,63
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	1.237.438.693.618	1.103.593.258.428	89,18	1.723.452.106.991	1.547.866.971.454	89,81
2	Máy móc và thiết bị	401.525.633.432	341.551.495.596	85,06	1.241.293.561.855	1.152.799.456.924	92,87
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	20.868.877.135	15.354.950.599	73,58	23.224.557.135	15.707.240.434	67,63
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	391.739.450	79.174.242	20,21	391.739.450	62.901.515	16,06
5	Tài sản khác	86.651.892.368	73.416.616.273	84,73	92.345.849.926	75.529.907.240	81,79
II	Tài sản vô hình	147.726.900			147.726.900		

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 của Công ty)



12. Kế hoạch sản xuất kinh doanh các năm tiếp theo

Bảng 18: Kế hoạch kinh doanh của Công ty giai đoạn 2020 - 2021

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	% tăng giảm năm 2020 so với năm 2019	Kế hoạch năm 2021	% tăng giảm năm 2021 so với năm 2020
Vốn điều lệ (thực góp)	1.350.000	1.350.000	-	1.350.000	-
Doanh thu thuần	269.411	450.000	67,03	790.000	75,56
Lợi nhuận sau thuế	75.409	140.000	85,65	256.000	82,86
LNST/Doanh thu thuần	27,99%	31,11%	11,15	31,17%	0,19
LNST/VĐL	5,59%	10,37%	85,65	20,74%	99,99
Cổ tức	-	-	-	-	-

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành)

Cần cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên:

Năm 2020, với các dự án bắt đầu được Công ty đưa vào vận hành và dự án Nhà máy Thủy điện Pá Hu sắp được đưa vào vận hành trong năm 2020, dựa trên kết quả kinh doanh của Công ty trong các năm vừa qua, khả năng triển khai và vận hành thành công dự án, tiêu biểu với việc tiên phong hai dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2 và dự án Nhà máy Điện mặt trời Hồ Bầu Ngủ, cùng chiến lược đa dạng hóa các loại hình Năng lượng tái tạo nhằm tận dụng ưu thế của từng mảng hoạt động kinh doanh mà Công ty đang hướng đến, Công ty nhận thấy kế hoạch Lợi nhuận mà Công ty đưa ra có tính khả thi. Cùng với đó, Công ty vẫn đang có kế hoạch đầu tư thi công các dự án mới như dự án Nhà máy Điện mặt trời Hồ Núi Một 1... Trong xu thế tác động của hiện tượng El Nino, tình hình nắng nóng được dự báo sẽ tiếp tục kéo dài, điều này có ảnh hưởng tích cực tới hoạt động của các nhà máy Điện Mặt trời, được cho là những nhân tố chính đóng góp vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các năm tới.



Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh thì kế hoạch Lợi nhuận mà Công ty đưa ra là có tính khả thi.

13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng

Không có.

14. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

➤ *Tuân thủ pháp luật:*

Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn được đảm bảo tuân thủ theo các Quy định của Pháp luật Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông đã được quy định cụ thể tại Điều lệ của Công ty.

➤ *Quản lý, công tác tổ chức:*

– Hoàn thiện, củng cố công tác tổ chức và hoạt động của Công ty với mô hình Công ty cổ phần, nâng cao trách nhiệm và tính chủ động của CBCNV, đảm bảo sự phát triển ổn định bền vững, lâu dài.

– Duy trì, nâng cao hệ thống quản lý chất lượng hiện có cho phù hợp yêu cầu về sản phẩm và chất lượng sản phẩm.

➤ *Tài chính:*

– Tích cực tạo dựng hình ảnh, vị thế về tài chính nhằm thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư, khách hàng về Công ty và sản phẩm dịch vụ của Công ty khi tham gia đại chúng trên thị trường chứng khoán.

– Xây dựng cơ chế quản lý tài chính minh bạch, công khai, phục vụ nhu cầu thông tin tài chính cho tất cả các đối tượng.

➤ Tiến hành liên doanh, liên kết trong và ngoài nước để phát triển thị trường kinh doanh.

➤ *Phát triển nguồn nhân lực:*

– Công ty chú trọng đào tạo nguồn nhân lực cả về mặt chất lượng và số lượng. Ưu tiên tuyển dụng các lao động trực tiếp có tay nghề vững, cán bộ có kinh nghiệm và chuyên môn đáp ứng yêu cầu của sản xuất trong điều kiện hội nhập kinh tế. Đồng thời trẻ hóa lực lượng cán bộ trong Công ty.

– Tiếp tục quan tâm, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ công nhân viên, thực hiện tốt các chính sách, chế độ với người lao động, tạo điều kiện để mọi người hoàn thành tốt công tác, nhiệm vụ.



➤ **Hoạt động kinh doanh:**

– Trong những năm tới, Công ty sẽ tăng cường xây dựng các dự án nhà máy điện mới và cải thiện các nhà máy điện đang hoạt động, nhằm nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm là nguồn điện của Công ty.

– Duy trì hiệu quả khai thác, hạn chế rủi ro, đảm bảo về yêu cầu an toàn lao động, cũng như quan tâm đúng mức về yếu tố bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên, giảm chất thải công nghiệp...

15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty

Không có.



II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

❖ Danh sách HĐQT, Ban Giám đốc, BKS, Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ
Hội đồng quản trị		
1	Trần Huy Đức	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Duy Hưng	Thành viên HĐQT
3	Nguyễn Thanh Hà	Thành viên HĐQT
4	Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT
5	Trần Huy Thiệu	Thành viên HĐQT
6	Vũ Xuân Hiếu	Thành viên HĐQT
7	Nguyễn Duy Viễn	Thành viên HĐQT
8	Nguyễn Văn Lanh	Thành viên HĐQT
Ban Giám đốc		
1	Trần Huy Đức	Giám đốc
2	Nguyễn Duy Hưng	Phó Giám đốc
3	Nguyễn Thanh Hà	Phó Giám đốc
Ban Kiểm soát		
1	Cán Thị Phương Hà	Trưởng BKS
2	Đào Thị Thanh Quyên	Thành viên BKS
3	Lê Thị Huyền Trang	Thành viên BKS
Kế toán trưởng		
1	Nguyễn Dũng Hoàng	Kế toán trưởng

16. Hội đồng quản trị

16.1 Chủ tịch HĐQT – Ông Trần Huy Đức

- Họ và tên: Trần Huy Đức



- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 03/02/1957
- Nơi sinh: Hà Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: P501, tòa nhà 101, Đường Láng Hạ, P Láng Hà, Quận Đống Đa, Hà Nội
- Căn cước công dân :035057002222 Ngày cấp: 23/05/2019 Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký đại chúng: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Xây dựng Trường Thành
 - + Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư Xây dựng Khai thác Khoáng sản Ninh Thuận
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Phong điện Phương Mai
- Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ năm 2001- năm 2008	Phó Giám Đốc	Công ty TNHH Xây dựng Trường Thành
Từ năm 2008 - Nay	Chủ tịch HĐQT	Công ty TNHH Xây dựng Trường Thành
Từ năm 2008 – năm 2010	Chủ tịch HĐQT	CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành
Từ năm 2010 - nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành
Từ năm 2015 - nay	Tổng giám đốc	Công ty CPĐT XD khai thác khoáng Sản Ninh Thuận
Từ T8/2018 - T12/2019	Tổng giám đốc	CTCP Phong điện Phương Mai
Từ T12/2019 - nay	Chủ tịch HĐQT	CTCP Phong điện Phương Mai

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký đại chúng:



Sở hữu đại diện: 0 cổ phần.

Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký đại chúng: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký đại chúng: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký đại chúng: Không

16.3 Thành viên HĐQT – Ông Nguyễn Thanh Hà

- Họ và tên: Nguyễn Thanh Hà
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 13/03/1977
- Nơi sinh: Thanh Hóa
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 1611-CT01- Học viện Quân Y, Yên Xá, Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội
- Chứng minh thư nhân dân số: 011077000022 Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Ngày cấp: 11/10/2019
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký đại chúng: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ năm 2001- năm 2005	Phòng quản đốc Phân xưởng phát điện	Điện lực tỉnh Điện Biên
Từ năm 2005 – năm 2010	Giám đốc	Nhà máy Thủy điện Suối Sập 2 – Công ty TNHH Xây dựng Trường Thành
Từ năm 2010 – T12/2019	Giám đốc	Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2 – CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành
Từ T12/2019 - nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký đại chúng:



Sở hữu cá nhân: 2.025.000 cổ phần, chiếm 1,5% vốn điều lệ

Sở hữu đại diện: 0 cổ phần.

Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký đại chúng: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký đại chúng: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký đại chúng: Không

16.4 Thành viên HĐQT – Ông Nguyễn Mạnh Hùng

- Họ và tên: Nguyễn Mạnh Hùng
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 02/10/1973
- Nơi sinh: Ninh Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: P1602-17T4, KĐT Trung Hòa- Nhân Chính, phường Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội.
- Chứng minh thư nhân dân số: 037073003148 Nơi cấp: Cục CS Quản lý hành chính về trật tự xã hội
Ngày cấp: 24/09/2019
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký đại chúng: Thành viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ năm 1996 – năm 2001	Giảng viên	Trường cao đẳng xây dựng
Từ năm 2002 – năm 2005	Phó giám đốc	Trung tâm hợp tác đầu tư quốc tế (Trực thuộc tổng công ty giao thông Hà Nội)
Từ năm 2006 - năm 2008	Giám đốc	Công ty phát triển nhà Hà Nội số 35
Từ năm 2008 - 2019	Giám đốc	Công ty cổ phần giải pháp năng lượng Việt Nam EVS Holdings
Từ T12/2019 - nay	Thành viên HĐQT	CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành



- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký đại chúng: Không

Sở hữu cá nhân: 2.025.000 cổ phần, chiếm 1,5% vốn điều lệ

Sở hữu đại diện: 0 cổ phần.

Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký đại chúng: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký đại chúng: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký đại chúng: Không

16.5 Thành viên HĐQT – Ông Trần Huy Thiệu

- Họ và tên: Trần Huy Thiệu
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 28/12/1966
- Nơi sinh: Hà Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 1, phường Tô Hiệu, TP Sơn La, tỉnh Sơn La
- Chứng minh thư: 050408566 Nơi cấp: Sơn La Ngày cấp: 27/11/2014
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký đại chúng: Thành viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ năm 2010 - Nay	Giám Đốc	Công ty TNHH-XD Trường Thành
Từ năm 2017 - Nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám Đốc	Công ty TNHH Đầu tư Xây lắp Trường Thành
Từ năm 2010 đến nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký đại chúng:

Sở hữu cá nhân: 8.800.000 cổ phần, chiếm 6,52% vốn điều lệ

Sở hữu đại diện: 0 cổ phần.



Sở hữu của người có liên quan: 47.600.000 cổ phần, chiếm 35,26% vốn điều lệ

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký đại chúng: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký đại chúng: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký đại chúng: Không

16.6 Thành viên HĐQT - Ông Vũ Xuân Hiếu

- Họ và tên: Vũ Xuân Hiếu
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 20/01/1950
- Nơi sinh: Việt Tiến, Vĩnh Bảo, Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 635 Bạch Đằng, Chương Dương, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Chứng minh thư nhân dân số: 031050001630 Nơi cấp: Cục Cảnh sát
ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư Ngày cấp: 04/05/2017
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký đại chúng: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không có
- Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ năm 1974 – năm 2010	Cán bộ	Bộ Tài Chính
Từ năm 2011 – T12/2019	Nghỉ hưu	
Từ T12/2019 - nay	Thành viên HĐQT	CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký đại chúng: không
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần.
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký đại chúng: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký đại chúng: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký đại chúng: Không



16.7 Thành viên HĐQT - Ông Nguyễn Duy Viễn

- Họ và tên: Nguyễn Duy Viễn
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 20/09/1965
- Nơi sinh: Kim An, Thanh Oai, Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: P214 C9 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội
- Chứng minh thư nhân dân số: 001065007032
ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Nơi cấp: Cục Cảnh sát
Ngày cấp: 16/06/2016
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký đại chúng: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không có
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ năm 1988 – năm 2006	Đi lao động tại Đức	
Từ 2006 - nay	Kinh doanh tự do	
Từ năm 2014 - nay	Thành viên HĐQT	CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký đại chúng: không
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần.
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký đại chúng: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký đại chúng: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký đại chúng: Không

16.8 Thành viên HĐQT - Ông Nguyễn Văn Lanh

- Họ và tên: Nguyễn Văn Lanh
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 04/01/1957
- Nơi sinh: Đông Lĩnh, Đông Hưng, Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam



- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký đại chúng: Trưởng ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ T11/2011-T12/2017	Kiểm toán viên	Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY
Từ T1/2018- 2019	Thành viên Tiểu ban Kiểm toán và Tuân thủ	Công ty CP Tập đoàn Ecopark
Từ T12/2019 -nay	Trưởng ban Kiểm soát	CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký đại chúng:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần.
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký đại chúng: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký đại chúng: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký đại chúng: Không

17.2 Thành viên BKS – Bà Đào Thị Thanh Quyên

- Họ và tên: Đào Thị Thanh Quyên
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 23 /11/1980
- Nơi sinh: Vĩnh Phúc
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: TDP 12 - Nhân Mỹ - Mỹ Đình 1 – Nam Từ Liêm – Hà Nội
- Căn cước công dân số: 026180003740
hành chính về TTXH
- Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý
Ngày cấp: 18/12/2018
- Điện thoại liên hệ: 0902141750
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký đại chúng: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phụ trách kế toán Công ty Cổ phần Sacha Inchi Việt Nam



- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ T5/2003 đến T5/2004	Kỹ sư kinh tế xây dựng	Công ty đầu tư xây dựng hạ tầng và giao thông đô thị - Hà Nội
Từ T6/ 2004 - T12/2006	Kỹ sư kinh tế xây dựng	Công ty cổ phần kiến trúc xây dựng Thủ Đô
Từ T1/2007 - T3/2008	Kỹ sư kinh tế xây dựng	Công ty trách nhiệm hữu hạn Archipel Việt Nam
Từ T4/2008 - T12/2009	Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch	Công ty cổ phần đầu tư xây lắp dầu khí IMICO (PVC-IMICO)
Từ T1/2010 - T5/2014	Chủ trì bộ môn dự án, dự toán	Viện thiết kế - Bộ Quốc Phòng
Từ T5/2014 - T12/2019	Trưởng phòng dự án	Công ty cổ phần giải pháp năng lượng Việt Nam EVS Holdings
Từ T12/2019 - nay	Phụ trách kế toán	Công ty Cổ phần Sacha Inchi Việt Nam
Từ T12/2019 - nay	Thành viên BKS	CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký đại chúng:

Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Sở hữu đại diện: 0 cổ phần.

Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký đại chúng: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký đại chúng: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký đại chúng: Không

17.3 Thành viên BKS – Lê Thị Huyền Trang

- Họ và tên: Lê Thị Huyền Trang
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 05/02/1990
- Nơi sinh: Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt Nam



- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 177 tổ 18, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Chứng minh thư nhân dân số: 145357368 Nơi cấp: Hưng Yên
Ngày cấp: 19/04/2005
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký đại chúng: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phụ trách kế toán Công ty cổ phần giải pháp năng lượng Việt Nam EVS Holdings
- Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ T4/2011- T6/2015	Kế toán viên	Công ty cổ phần giải pháp năng lượng Việt Nam EVS Holdings
Từ T7/2015 - nay	Phụ trách kế toán	Công ty cổ phần giải pháp năng lượng Việt Nam EVS Holdings
Từ T12/2019 - nay	Thành viên BKS	CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký đại chúng:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần.
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký đại chúng: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký đại chúng: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký đại chúng: Không

18. Ban Giám đốc

18.1. Giám đốc – Ông Trần Huy Đức

Xem mục 16.1

18.2. Phó Giám đốc – Ông Nguyễn Duy Hưng

Xem mục 16.2

18.3. Phó Giám đốc – Ông Nguyễn Thanh Hà

Xem mục 16.3



19. Kế toán trưởng

Kế toán trưởng – Ông Nguyễn Dũng Hoàng

- Họ và tên: Nguyễn Dũng Hoàng
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 24/10/1989
- Nơi sinh: Cao Bằng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: A212, khu Nơ viện KHHS-BCA 283 Khương Trung, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội
- Số CMND/CCCD: 004089000027 Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Ngày cấp: 05/04/2019
- Điện thoại liên hệ: 0906.124.979
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký đại chúng: Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ năm 2011- năm 2017	Kiểm toán viên	CN công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C tại Hà Nội
Từ năm 2017 – năm 2020	Kế toán viên	Công ty Cổ phần truyền thông Xây dựng Thành An
Năm 2020 - nay	Kế toán trưởng	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký đại chúng:
- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần.
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần



- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký đại chúng: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký đại chúng: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký đại chúng: Không

20. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

Tháng 12 năm 2019, Công ty đã tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019 trong đó có thông qua Điều lệ tổ chức và Hoạt động theo mẫu quy định tại Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Để tăng cường kế hoạch quản trị công ty, công ty sẽ triển khai xây dựng các quy chế quản trị Công ty phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng và Điều lệ Công ty. Các quy định nhằm mục tiêu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý của công ty. Quy chế quản trị cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành. Các nguyên tắc quản trị công ty được công ty xây dựng trong quy chế quản trị công ty bao gồm:

- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
- Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến công ty;
- Minh bạch trong hoạt động của công ty;
- Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát công ty có hiệu quả.



III. CAM KẾT

Các thông tin trên do Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành cung cấp và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản tóm tắt thông tin này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN
TRƯỜNG THÀNH**

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



TRẦN HUY ĐỨC

